

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, Khu công nghiệp VSIP II, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin:  24 giờ  72 giờ  bất thường  yêu cầu  định kỳ

Điện thoại: 0274.2220399

Nội dung thông tin công bố:

**Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2022 kèm công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.**

Công bố thông tin này được cập nhật trên Website Công ty ngày 28/7/2022 tại địa chỉ: <http://vntt.com.vn/codong/thong-bao>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022

Người thực hiện công bố thông tin

Tổng Giám đốc



Dương Ngọc Hoàng Vũ



Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2022

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam  
Mã chứng khoán: TTN  
Địa chỉ trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, khu công nghiệp Việt Nam –  
Singapore II, P. Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương  
Điện thoại: 0274 2220 222  
Fax: 0274 3635 200

- Căn cứ: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam xin giải trình nguyên nhân chính làm biến động lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất quý 2/2022 tăng 48,9% so với quý 2/2021 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 2/2021: 7.603.466.553 đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 2/2022: 11.324.763.539 đồng

**Nguyên nhân:**

- Tình hình dịch bệnh Covid – 19 cả nước được kiểm soát tác động tích cực đến sự phục hồi và ổn định của nền kinh tế từ đó làm tăng nhu cầu trở lại đối với nhóm khách hàng sử dụng các dịch vụ và hàng hóa của Công ty đã góp phần làm tăng doanh thu của quý 2/2022 36,4% so với cùng kỳ.
- Bên cạnh đó khi dịch bệnh Covid – 19 đã được kiểm soát thì Công ty cũng giảm được khá lớn các chi phí phòng dịch như trước đây phải gánh chịu.
- Dòng tiền được cải thiện tích cực sau khi Công ty phát hành tăng vốn thành công cho cổ đông hiện hữu đã làm giảm các khoản vay ngân hàng từ đó giảm được chi phí lãi vay so với cùng kỳ.
- Tuy nhiên, hoạt động của công ty con là Công ty TNHH giải pháp VNTT vẫn còn đang trong quá trình phát triển sản phẩm nên chưa tạo ra doanh thu đáng kể, kết quả kinh doanh vẫn còn bị lỗ đã làm giảm đi kết quả kinh doanh khi hợp nhất của Công ty.

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam giải trình về việc lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất quý 2/2022 giảm so với quý 2/2021.

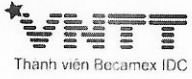
Trân trọng !

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đương Ngọc Hoàng Vũ** TOTRINH22070291





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM –**

**3700861497**

21 VSIP II đường số 1, KCN Việt Nam – Singaore 2, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **QUÝ 2 NĂM 2022**

37  
C  
C  
C  
\* TF  
/ DA





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>354.853.604.784</b>	<b>310.747.127.080</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>61.820.725.617</b>	<b>30.403.115.318</b>
1. Tiền	111		16.320.725.617	15.403.115.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.500.000.000	15.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.500.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	7.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>95.540.390.692</b>	<b>105.843.223.599</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	70.474.459.624	84.874.342.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.910.026.075	10.277.292.656
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	18.351.907.408	14.887.591.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.196.002.415)	(4.196.002.415)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>187.993.882.217</b>	<b>172.479.961.792</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	187.993.882.217	172.479.961.792
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.998.606.258</b>	<b>2.020.826.371</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.521.802.674	1.564.850.787
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	476.803.584	455.975.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>188.916.393.141</b>	<b>176.008.400.573</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>179.553.046</b>	<b>154.345.036</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	179.553.046	154.345.036
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>131.583.308.581</b>	<b>134.751.511.801</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	122.902.311.618	125.443.642.996
- Nguyên giá	222		302.830.115.876	288.331.816.025
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(179.927.804.258)	(162.888.173.029)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.680.996.963	9.307.868.805
- Nguyên giá	228		18.065.393.157	18.065.393.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.384.396.194)	(8.757.524.352)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>46.377.034.307</b>	<b>29.747.915.968</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	46.377.034.307	29.747.915.968
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.776.497.207</b>	<b>11.354.627.768</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	10.213.066.335	10.944.607.596
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	563.430.872	410.020.172
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>543.769.997.925</b>	<b>486.755.527.653</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



TOTRINH22070291

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>121.680.837.118</b>	<b>176.070.739.226</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.945.611.385</b>	<b>159.497.772.521</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	31.001.182.664	38.354.166.805
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.981.585.026	7.558.719.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.535.405.180	3.369.183.850
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.158.022.679	7.135.960.883
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	13.473.484.970	11.977.447.653
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	9.847.349.608	9.396.890.681
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a,c	31.845.670.174	11.098.987.907
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a,c	1.500.000.000	67.624.995.879
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22a	1.795.959.271	1.498.615.598
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	1.806.951.813	1.482.803.623
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.735.225.733</b>	<b>16.572.966.705</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	1.705.049.691	1.281.957.863
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b,c	5.523.013.471	5.377.513.058
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b,c	8.176.271.500	9.676.271.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22b	330.891.071	237.224.284
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM





# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>422.089.160.807</b>	<b>310.684.788.427</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>422.089.160.807</b>	<b>310.684.788.427</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24a	367.275.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24b	(372.100.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.544.795.990	38.260.480.469
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.202.179.757	27.135.022.898
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.393.447	1.448.712.476
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.115.786.310	25.686.310.422
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>543.769.997.925</b>	<b>486.755.527.653</b>

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2022

Vi Ngọc Đại  
Người lập

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Hoàng Vũ  
Tổng Giám đốc





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

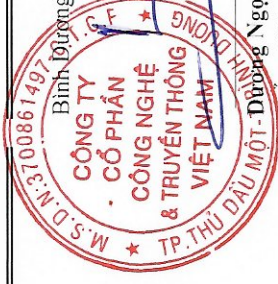
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	89.127.741.134	65.443.327.695	155.252.562.365	121.181.024.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	89.127.741.134	65.443.327.695	155.252.562.365	121.181.024.046
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.368.812.227	47.112.661.518	114.773.193.899	84.086.446.929
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.758.928.907	18.330.666.177	40.479.368.466	37.094.577.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	367.794.572	977.171.604	405.015.357	1.932.683.825
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	352.588.276	1.223.858.877	1.608.315.899	2.405.968.847
Trong đó: chi phí lãi vay	23		352.247.633	1.222.023.030	1.607.596.588	2.392.470.344
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.940.844.891	2.225.828.548	6.347.639.559	5.608.873.592
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.436.110.224	6.490.285.844	13.517.028.298	12.189.803.901
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.397.180.088	9.367.864.512	19.411.400.067	18.822.614.602
12. Thu nhập khác	31	VI.7	351.657.312	278.111.055	880.385.945	291.796.832
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.232.192	15.459.889	28.090.789	51.232.970
14. Lợi nhuận khác	40		349.425.120	262.651.166	852.295.156	240.563.862
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.746.605.208	9.630.515.678	20.263.695.223	19.063.178.464
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	3.587.895.541	2.027.049.125	5.301.319.613	4.419.105.071



**CHỈ TIÊU**

Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay (166.053.872)	Năm trước	Năm nay (153.410.700)	Năm trước
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.324.763.539	7.603.466.553	15.115.786.310	14.644.073.393
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	11.324.763.539	7.603.466.553	15.115.786.310	14.644.073.393
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	265	241	360	528
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	265	241	360	528

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2022



Vi Ngọc Đại  
Người lập

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hoàng Vũ  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.263.695.223	19.063.178.464
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	17.818.870.650	16.847.677.846
- Các khoản dự phòng	03	V.22	391.010.460	229.282.696
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(416.895.140)	(1.874.018.265)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	352.247.633	2.392.470.344
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.408.928.826	36.658.591.085
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.172.685.292	24.114.346.926
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.513.920.425)	(24.269.191.878)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.918.806.595)	(5.436.695.949)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		774.589.374	657.592.585
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.4	(789.837.128)	(2.392.629.072)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(3.772.760.142)	(7.492.553.052)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18a; V.23;	(2.673.933.540)	(5.791.489.720)
			-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.686.945.662</b>	<b>16.047.970.925</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11 V.12; VII	(31.374.374.415)	(7.230.531.597)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		86.574.074	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.3	259.754.857	1.010.493.150
			-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(38.528.045.484)</b>	<b>(6.220.038.447)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



TOTRINH22070291



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		122.052.900.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	28.755.687.215	69.804.393.312
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(96.380.683.094)	(70.502.112.609)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	v.20a; V.2	(1.169.194.000)	(1.136.447.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>53.258.710.121</b>	<b>(1.834.166.297)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>31.417.610.299</b>	<b>7.993.766.181</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>30.403.115.318</b>	<b>11.407.864.584</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>61.820.725.617</b>	<b>19.401.630.765</b>

Vi Ngọc Đại  
Người lập

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2022

Dương Ngọc Hoàng Vũ  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc quý 2 năm 2022, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào công ty con.

#### Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam – Trung tâm phân phối thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin.	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 314 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 328 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.





# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 5. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí thuê đất*

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### *Vật tư, thiết bị khảo sát*

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

#### *Chi phí xây dựng, sửa chữa*

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Các chi phí khác*

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ





# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

## 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 13. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa hợp nhất niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**(tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (cùng kỳ năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 17. **Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 18. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

### 19. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền***

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**(tiếp theo)

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **20. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## **21. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**(tiếp theo)

### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	150.430.397	792.771.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.170.295.220	14.610.344.282
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	45.500.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>61.820.725.617</u></b>	<b><u>30.403.115.318</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 06 tháng	7.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.500.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>49.094.398.751</i></b>	<b><i>64.217.890.594</i></b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	16.898.401.601	20.507.475.163
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	7.953.554.685	19.100.070.594
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	10.897.663.966	10.307.161.477
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	8.584.021.989	4.779.727.531
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	246.171.614	3.331.302.886
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	2.259.427.159	3.017.514.654
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	1.663.381.543	2.290.782.343
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	247.423.763	247.423.763

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Becamex Tokyu	245.381.333	267.828.713
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	15.730.000	231.940.138
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	31.197.100	80.745.500
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	32.243.998	30.489.498
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	18.150.000	18.150.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	-	5.628.334
Công ty Cổ phần Dược Enlie	1.650.000	1.650.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>21.380.060.873</b>	<b>20.656.451.764</b>
<b>Cộng</b>	<b>70.474.459.624</b>	<b>84.874.342.358</b>

**4. Trả trước cho người bán khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>1.454.651.739</b>	<b>-</b>
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	1.454.651.739	-
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>9.455.374.336</b>	<b>10.277.292.656</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	2.596.723.593	2.596.723.593
Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam	-	4.542.420.960
Công ty Điện lực Bình Dương	707.715.805	487.200.050
Các nhà cung cấp khác	6.150.934.938	2.650.948.053
<b>Cộng</b>	<b>10.910.026.075</b>	<b>10.277.292.656</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Trong kỳ không phát sinh.

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>463.358.528</b>	<b>-</b>	<b>475.358.528</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Lãi dự thu	-	-	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Doanh thu trích trước	-	-	-	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	453.878.200	-	453.878.200	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Ký quỹ ngắn hạn	-	-	12.000.000	-
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ ngắn hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>17.888.548.880</b>	<b>(2.309.450.910)</b>	<b>14.412.232.472</b>	<b>(2.309.450.910)</b>
Tạm ứng	13.493.512.189	(2.309.450.910)	10.872.237.087	(2.309.450.910)
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	180.523.635	-	180.523.635	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.214.513.056	-	3.359.471.750	-
<b>Cộng</b>	<b>18.351.907.408</b>	<b>(2.309.450.910)</b>	<b>14.887.591.000</b>	<b>(2.309.450.910)</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>18.625.000</b>	-	<b>18.625.000</b>	-
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	17.625.000	-	17.625.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ dài hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Ký quỹ dài hạn	<b>160.928.046</b>	-	<b>135.720.036</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>179.553.046</b>	-	<b>154.345.036</b>	-

**7. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
<i>Từ 03 đến 06 tháng</i>	38.418.619	26.496.539	38.418.619	26.496.539
<i>Từ 06 đến 09 tháng</i>	44.470.861	22.235.431	44.470.861	22.235.431
<i>Từ 09 đến 12 tháng</i>	49.485.967	14.845.790	49.485.967	14.845.790
<i>Trên 12 tháng</i>	976.269.263	-	976.269.263	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	3.797.934	2.658.554	3.797.934	2.658.554
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	83.201.667	41.600.834	83.201.667	41.600.834
<i>Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm</i>	122.994.451	36.898.335	122.994.451	36.898.335
<i>Trên 03 năm</i>	439.875.286	-	439.875.286	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	2.309.450.910	-	2.309.450.910	-
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.653.974	826.987	1.653.974	826.987
<i>Từ trên 02 đến dưới 03 năm</i>				
<i>Trên 03 năm</i>	271.945.952	-	271.945.952	-
<b>Cộng</b>	<b>4.341.564.884</b>	<b>145.562.469</b>	<b>4.341.564.884</b>	<b>145.562.469</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.051.067.567	4.051.067.567
Trích lập dự phòng bổ sung	144.934.848	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.196.002.415</b>	<b>4.051.067.567</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.274.639.639	-	31.458.495.828	-
Công cụ, dụng cụ	211.429.413	-	768.218.095	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở	118.130.221.943	-	86.743.056.849	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

dang	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	50.377.591.222	-	53.510.191.020	-
<b>Cộng</b>	<b>187.993.882.217</b>	<b>-</b>	<b>172.479.961.792</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	560.172.033	627.690.489
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	961.630.641	937.160.298
<b>Cộng</b>	<b>1.521.802.674</b>	<b>1.564.850.787</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.957.148.563	2.391.272.028
Chi phí thuê đất	6.932.159.510	7.032.176.318
Vật tư, thiết bị khảo sát	16.973.472	29.065.140
Chi phí xây dựng, sửa chữa	512.400.248	637.915.550
Các chi phí trả trước dài hạn khác	794.384.542	854.178.560
<b>Cộng</b>	<b>10.213.066.335</b>	<b>10.944.607.596</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	18.997.477.057	205.548.692.614	61.410.080.423	1.536.496.009	839.069.922	288.331.816.025
Mua trong năm/kỳ	-	171.546.000	-	-	-	171.546.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.067.395.193	9.430.858.658	-	-	14.498.253.851
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(171.500.000)	-	-	(171.500.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.997.477.057</b>	<b>210.787.633.807</b>	<b>70.669.439.081</b>	<b>1.536.496.009</b>	<b>839.069.922</b>	<b>302.830.115.876</b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.502.299.208	15.160.242.182	7.335.482.756	600.269.837	66.000.000	24.664.293.983
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	6.719.557.342	121.612.136.055	32.992.571.447	967.009.677	596.898.508	162.888.173.029
Khấu hao trong năm/kỳ	543.665.262	12.726.755.642	3.730.796.840	113.474.076	77.306.988	17.191.998.808
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(152.367.579)	-	-	(152.367.579)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.263.222.604</b>	<b>134.338.891.697</b>	<b>36.571.000.708</b>	<b>1.080.483.753</b>	<b>674.205.496</b>	<b>179.927.804.258</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	12.277.919.715	83.936.556.559	28.417.508.976	569.486.332	242.171.414	125.443.642.996
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.734.254.453</b>	<b>76.448.742.110</b>	<b>34.098.438.373</b>	<b>456.012.256</b>	<b>164.864.426</b>	<b>122.902.311.618</b>
<b>Trong đó:</b>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	3.889.485.692	14.175.907.465	18.065.393.157
Mua trong năm/kỳ	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.889.485.692</b>	<b>14.175.907.465</b>	<b>18.065.393.157</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.518.362.917	7.518.362.917
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	8.757.524.352	8.757.524.352
Khấu hao trong năm/kỳ	-	626.871.842	626.871.842
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>9.384.396.194</b>	<b>9.384.396.194</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.889.485.692	5.418.383.113	9.307.868.805
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.889.485.692</b>	<b>4.791.511.271</b>	<b>8.680.996.963</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển giảm khác</b>	<b>Số cuối năm</b>
Mua sắm tài sản cố định	1.652.000.000	487.925.000	(41.190.000)	-	2.098.735.000
Xây dựng cơ bản dở dang	28.095.915.968	31.441.179.532	(14.498.253.851)	(760.542.342)	44.278.299.307
<b>Cộng</b>	<b>29.747.915.968</b>	<b>31.929.104.532</b>	<b>(14.539.443.851)</b>	<b>(760.542.342)</b>	<b>46.377.034.307</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Cùng kỳ năm trước</b>
<b>Số đầu năm</b>	410.020.172	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	153.410.700	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>563.430.872</b>	<b>-</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.810.162.253</b>	<b>6.002.224.313</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	2.992.529.574	2.989.835.552
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	197.670.006	2.266.266.800
Công ty TNHH MTV Thương Mại Becamex	45.155.591	33.599.680
Công ty TNHH Becamex Tokyu	21.731.026	16.123.662
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam Singapore	-	99.559.141
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	5.849.719	4.299.757
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	30.319.942	58.366.942
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình	390.000.000	390.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

145  
TY  
ÁN  
GH  
THỜI  
AM  
BÌN



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dương		
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	-	104.706.000
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	7.754.668	10.316.779
Công ty TNHH MTV Aspire	116.600.000	29.150.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	2.551.727	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>24.672.437.820</b>	<b>32.351.942.492</b>
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	-	15.659.520.407
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	1.043.944.833	1.071.422.831
Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam	10.595.909.740	-
Các nhà cung cấp khác	15.551.165.838	15.620.999.254
<b>Cộng</b>	<b>31.001.182.664</b>	<b>38.354.166.805</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>1.342.719.920</b>	<b>103.625.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	72.625.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	-	31.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	1.186.909.000	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	155.810.920	-
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>2.638.865.106</b>	<b>7.455.094.642</b>
Văn phòng Điều hành NTT VIETNAM Corporaion tại Bình Dương	-	3.980.155.850
Các khách hàng khác	2.638.865.106	3.474.938.792
<b>Cộng</b>	<b>3.981.585.026</b>	<b>7.558.719.642</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	835.209.402	455.975.584	2.689.809.416	(2.996.025.738)	528.993.080	476.803.584
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.560.035	(1.560.035)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.285.170.442	-	5.301.319.613	(3.772.760.142)	3.813.729.913	-
Thuế thu nhập cá nhân	248.804.006	-	892.026.262	(948.148.081)	192.682.187	-
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	(12.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.369.183.850</b>	<b>455.975.584</b>	<b>8.896.715.326</b>	<b>(7.730.493.996)</b>	<b>4.535.405.180</b>	<b>476.803.584</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác 8%, 10%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%..

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tại các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	<b>3.587.895.541</b>	<b>2.027.049.125</b>
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.587.895.541</b>	<b>2.027.049.125</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Các loại thuế khác**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### **17. Phải trả người lao động**

Tiền lương, phụ cấp tháng 6 năm 2022 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

#### **18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	8.843.368.881	7.205.670.014
Chi phí lãi vay	17.629.371	455.218.866
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	4.141.894.105	4.002.357.160
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	470.592.613	314.201.613
<b>Cộng</b>	<b>13.473.484.970</b>	<b>11.977.447.653</b>

#### **19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

#### **20. Phải trả khác**

##### **20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>753.738.000</b>	<b>700.040.000</b>
Công ty CP kinh doanh và phát triển Bình Dương	253.738.000	-
Thường ban điều hành	500.000.000	700.040.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác (10%)</b>	<b>31.091.932.174</b>	<b>10.398.947.907</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	354.306.500	559.019.150
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.836.588.300	7.039.510.100
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	1.625.594.849	2.528.438.415
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	275.442.525	271.980.242
<b>Cộng</b>	<b>31.845.670.174</b>	<b>11.098.987.907</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 20b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

### 20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## 21. Vay

### 21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	-	64.624.995.879
Vay dài hạn đến hạn trả	1.500.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>	<b><u>67.624.995.879</u></b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số đầu năm	67.624.995.879	49.744.031.988
Số tiền vay phát sinh	28.755.687.215	69.804.393.312
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
Số tiền vay đã trả	(96.380.683.094)	(70.502.112.609)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>	<b><u>50.546.312.691</u></b>

### 21b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	8.176.271.500	9.676.271.500
<b>Cộng</b>	<b><u>8.176.271.500</u></b>	<b><u>9.676.271.500</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số đầu năm	9.676.271.500	12.676.271.500
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Số tiền vay đã trả	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>8.176.271.500</u></b>	<b><u>11.176.271.500</u></b>

### 21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## 22. Dự phòng phải trả

### 22a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số đầu năm	1.498.615.598	1.836.131.940
Tăng do trích lập	469.660.395	314.965.229
Hoàn nhập dự phòng	(351.239.732)	(264.605.543)
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	178.923.010	36.274.503
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.795.959.271</u></b>	<b><u>1.922.766.129</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**(tiếp theo)**22b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số đầu năm	237.224.284	644.941.344
Tăng do trích lập	272.589.797	178.923.010
Số hoàn nhập	-	-
Điều chỉnh sang dự phòng phải trả ngắn hạn	<u>(178.923.010)</u>	<u>(36.274.503)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>330.891.071</u></b>	<b><u>787.589.851</u></b>

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số đầu năm	1.482.803.623	1.268.588.405
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.798.041.730	4.815.317.573
Chi quỹ	(1.473.893.540)	(4.361.858.431)
Giảm khác	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.806.951.813</u></b>	<b><u>1.722.047.547</u></b>

**24. Vốn chủ sở hữu****24a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	118.964.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	105.886.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>367.275.000.000</u></b>	<b><u>244.850.000.000</u></b>

**24b. Thặng dư vốn cổ phần**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi phí phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	(372.100.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(372.100.000)</u></b>	<b><u>-</u></b>

**24c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.485.000	24.485.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	12.242.500	-
- Cổ phiếu phổ thông	12.242.500	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	24.485.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



867  
IG 7  
PHÁ  
NG  
EN TI  
NA  
ĐT-T.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20 tháng 4 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	22 036 500 000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	1 284 315 521
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1 798 041 730
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký	500.000.000
• Thưởng Ban điều hành	500.000.000

### 25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

#### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 17.354,11 USD (số đầu năm là 1.541,99 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	12.456.118.254	1 408 695 359
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.145.659.775	45 941 721 782
Doanh thu hợp đồng xây dựng	19.718.263.147	18 092 910 554
Doanh thu bất động sản	5.807.699.958	-
<b>Cộng</b>	<b>89.127.741.134</b>	<b>65.443.327.695</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dự án, công trình hạ tầng viễn thông, dịch vụ và hàng hóa cung cấp trong năm.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	238.356.163	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	129.012.109	3.518.407
Lãi cho vay	-	924.703.197
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	426.300	48.950.000
<b>Cộng</b>	<b>367.794.572</b>	<b>977.171.604</b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	352.247.633	1.223.749.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	340.643	109.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>352.588.276</b>	<b>1.223.858.877</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.443.875.242	2.022.947.649
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.758.068	16.986.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.844.854	7.995.544
Chi phí khác	480.366.727	177.899.046
<b>Cộng</b>	<b>2.940.844.891</b>	<b>2.225.828.548</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.257.101.448	3.287.375.980
Chi phí vật liệu quản lý	239.282.196	85.114.088
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.683.674	102.468.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	459.684.689	409.527.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.973.969.292	1.771.727.800
Chi phí khác	1.374.388.925	834.072.268
<b>Cộng</b>	<b>7.436.110.224</b>	<b>6.490.285.844</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	351.239.732	264.605.543
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	417.580	13.505.512
<b>Cộng</b>	<b>351.657.312</b>	<b>278.111.055</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí khác	2.232.192	15.459.889
<b>Cộng</b>	<b>2.232.192</b>	<b>15.459.889</b>
<b>9. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.115.786.310	14.644.073.393
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.209.262.905)	(1.211.904.000)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(700.000.000)	(500.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.206.523.405	12.932.169.393
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	36.727.500	24.485.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>360</b>	<b>528</b>
<b>9b. Thông tin khác</b>		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ





# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.591.421.787	17.693.651.282
Chi phí nhân công	14.938.512.852	15.000.528.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.815.473.638	8.486.007.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.344.530.987	18.153.094.261
Chi phí khác	5.814.252.033	2.526.142.094
<b>Cộng</b>	<b><u>87.504.191.297</u></b>	<b><u>61.859.423.134</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có công nợ phải trả mua sắm tài sản cố định trị giá 3.035.294.452 VND (số đầu năm là 3.110.750.677 VND)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	19.360.172.040	5.085.608.860
Trên 01 năm đến 05 năm	16.826.931.590	19.063.461.540
<b>Cộng</b>	<b><u>36.187.103.630</u></b>	<b><u>24.149.070.400</u></b>

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.6a và V.20a.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>Tiền lương</b>	<b>Thưởng</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Cộng thu nhập</b>
<b>Kỳ này</b>				
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	20.000.000	19.360.000	115.000.000	154.360.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	105.000.000	105.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Các thành viên khác	292.950.000	96.868.800	160.000.000	549.818.800
<b>Cộng</b>	<b>312.950.000</b>	<b>116.228.800</b>	<b>700.000.000</b>	<b>1.129.178.800</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Ông Huỳnh Quang Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Bà Võ Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	60.000.000	67.038.370	-	127.038.370
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Bà Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Đặng Thanh Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Kiểm soát viên	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm soát viên	-	-	-	-
Các thành viên khác	292.950.000	212.076.713	-	505.026.713
<b>Cộng</b>	<b>352.950.000</b>	<b>279.115.083</b>	<b>0</b>	<b>632.065.083</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

**Bên liên quan khác**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP  
 Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước  
 Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương  
 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị  
 Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật  
 Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương  
 Trường Đại học Quốc tế Miền Đông  
 Công ty Cổ phần Dược Enlie  
 Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương

**Mối quan hệ**

Công ty góp vốn  
 Công ty góp vốn  
 Công ty cùng chủ đầu tư  
 Công ty cùng chủ đầu tư  
 Công ty cùng chủ đầu tư  
 Công ty cùng chủ đầu tư  
 Công ty cùng chủ đầu tư  
 Công ty cùng chủ đầu tư  
 Công ty cùng chủ đầu tư  
 Công ty cùng chủ đầu tư

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



3142  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CÔNG NGHỆ  
 VÀ THÔNG  
 TIN VIỆT  
 NAM  
 T. B. V.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**(tiếp theo)

### Bên liên quan khác

Công ty TNHH Becamex Tokyu  
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex  
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex  
Công ty Cổ phần SetiaBecamex  
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore

### Mối quan hệ

Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.14, V.15 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

#### 3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

#### 3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2022



**Vi Ngọc Đại**  
Người lập biểu



**Nguyễn Văn Phúc**  
Kế toán trưởng



**Đương Ngọc Hoàng Vũ**  
Tổng Giám đốc

